

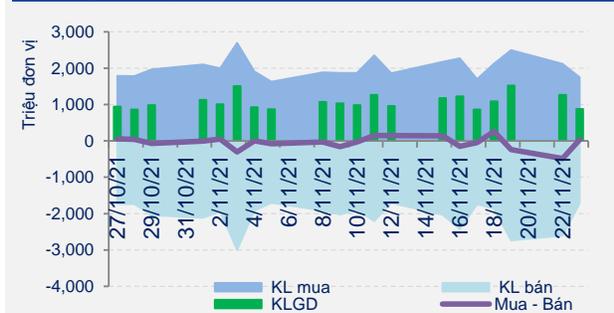
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,463.63	448.60
% Thay đổi	↑ 1.13%	↑ 0.90%
KLGD (CP)	880,146,860	134,843,533
GTGD (tỷ đồng)	26,234.83	3,754.21
Tổng cung (CP)	1,717,079,100	145,564,400
Tổng cầu (CP)	1,748,826,600	165,840,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	29,811,871	614,285
KL mua (CP)	35,799,100	431,461
GT mua (tỷ đồng)	1,345.43	14.18
GT bán (tỷ đồng)	1,118.80	16.64
GT ròng (tỷ đồng)	226.63	(2.47)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.03%	23.9	3.8	1.2%
Công nghiệp	↑ 0.49%	23.9	3.2	16.3%
Dầu khí	↑ 2.39%	18.4	2.0	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 2.35%	-	6.0	2.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.46%	17.5	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.67%	22.9	4.0	10.8%
Ngân hàng	↓ -0.53%	12.0	2.3	13.5%
Nguyên vật liệu	↑ 2.94%	11.2	2.7	12.1%
Tài chính	↑ 1.68%	19.8	3.5	39.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 2.48%	16.4	2.7	1.6%
VN - Index	↑ 1.13%	17.1	2.9	
HNX - Index	↑ 0.90%	24.6	4.8	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 16,38 điểm (+1,13%) lên 1.463,63 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 319 mã tăng, 47 mã tham chiếu, 177 mã giảm. HNX-Index tăng 3,98 điểm (+0,9%) lên 448,6 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 173 mã tăng, 43 mã tham chiếu, 107 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 957 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 27.480 tỷ đồng. Nhóm ngân hàng sau 2 phiên tăng mạnh đã chịu áp lực chốt lời trong phiên hôm nay khiến hầu hết các cổ phiếu kết phiên trong sắc đỏ như BID (-1,9%), CTG (-1,2%), TCB (-0,9%), VPB (-1,2%), MBB (-1%), HDB (-1,5%), ACB (-0,6%), SHB (-1,2%)... Trong khi đó, vẫn có một vài mã tăng giá như TPB (+4,7%), OCB (+2,4%), PGB (+1,4%), MSB (+0,8%), VIB (+0,5%), VCB (+0,3%). Nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn có sự bứt phá khá tốt với hàng loạt Bluechips như MSN (+4,4%), GVR (+5,3%), VHM (+1,9%), NVL (+4%), GAS (+2,4%), HPG (+1,8%), MWG (+3,2%), BVH (+3,7%), FPT (+1,7%), VJC (+3,1%)... giúp VN-Index (+1,13%) tăng khá mạnh. Nhóm chứng khoán quay trở lại xu hướng tăng với nhiều mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần như SSI (+7%), VND (+6,9%), AGR (+6,9%). Nhiều cổ phiếu bất động sản, xây dựng sau phiên giảm mạnh hôm qua có sự hồi phục trở lại, thậm chí nhiều cổ phiếu như DPG (+5,2%), HDC (+3,1%), NTL (+7%), KDH (+5,8%), HDG (+3,2%), HBC (+6,8%), HTN (+4,5%)... tăng mạnh.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục khá tốt (+1,13%) trên chỉ số VN-Index nhưng lại với thanh khoản suy giảm và thấp hơn mức trung bình cho thấy lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là chưa thực sự mạnh và dòng tiền đang có sự thận trọng nhất định. Với phiên hồi phục này thì VN-Index đã lấy lại được ngưỡng tâm lý 1.450 điểm đồng thời vùng hỗ trợ 1.455-1.460 điểm (MA20) để củng cố lại xu hướng tăng thuộc sóng 5 theo lý thuyết sóng Elliot. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 24/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại những hỗ trợ gần nhất lần lượt là 1.455-1.460 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tiếp tục canh những nhịp tăng điểm trong phiên để giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/11/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.428,41 điểm. Nhưng từ cuối phiên sáng trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần cho đến hết phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 16,38 điểm (+1,13%) lên 1.463,63 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: MSN tăng 6.600 đồng, GVR tăng 1.900 đồng, VHM tăng 1.500 đồng. Ở chiều ngược lại, BID giảm 850 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 437,53 điểm. Nhưng từ khoảng 14h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,98 điểm (+0,9%) lên 448,6 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS tăng 2.600 đồng, THD tăng 1.300 đồng, CEO tăng 2.600 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 600 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 226,23 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 6,7 triệu đơn vị. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 75,9 tỷ đồng tương ứng với 930 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là MSN với 71,8 tỷ đồng tương ứng với 467 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SSI là mã bị bán ròng nhiều nhất với 191 tỷ đồng tương ứng với 3,8 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 2,49 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 183 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8 tỷ đồng tương ứng với 260 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là API với 1,8 tỷ đồng tương ứng với 20,9 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3 tỷ đồng tương ứng với 12,7 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục trở lại trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền mua lên là chưa thực sự mạnh và dòng tiền vẫn đang có sự thận trọng nhất định.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên hồi phục hôm nay thì chỉ số VN-Index đã lấy lại được ngưỡng tâm lý 1.450 điểm và thậm chí còn vượt lên trên đường trung bình 20 ngày trong khoảng 1.455-1.460 điểm nên xu hướng tăng của thị trường được củng cố và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới mà gần nhất là kháng cự tâm lý 1.500 điểm là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại những hỗ trợ gần nhất lần lượt là 1.455-1.460 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 24/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng tâm lý 1.500 điểm.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Vốn FDI đăng ký cấp mới từ Nhật Bản vào Việt Nam tăng gấp 3 lần năm ngoái, dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19

Vốn FDI Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam đạt 3,38 tỷ USD sau 10 tháng, trong đó, số dự án cấp mới là 150, gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước. Quy mô bình quân mỗi dự án của doanh nghiệp Nhật Bản là 13,4 triệu USD, cao hơn mức 11,7 triệu USD bình quân chung của cả nước.



## TIN TRONG NƯỚC

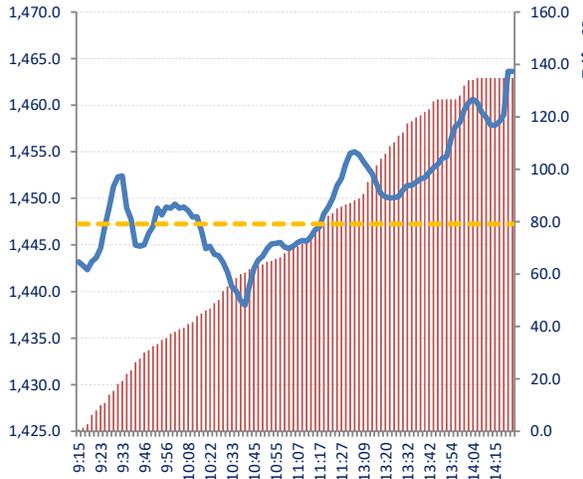
<b>Giá vàng trong nước tăng</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59 - 59,8 triệu đồng/lượng, tăng 250.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng 15 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm hôm nay (23/11) được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố ở mức 23.133 VND/USD, tăng mạnh 15 đồng so với mức niêm yết đầu tuần.

## TIN QUỐC TẾ

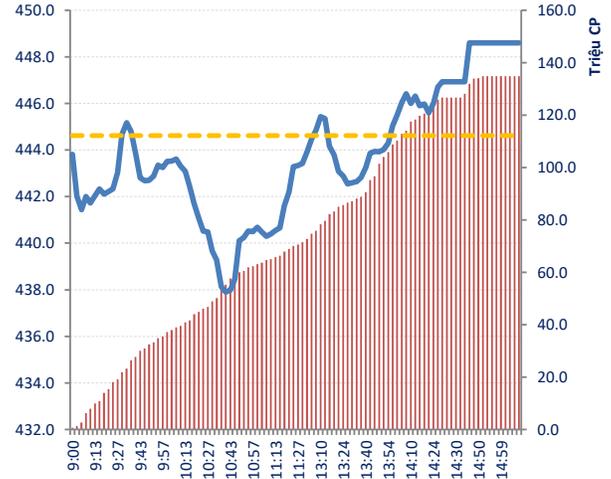
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 9,7 USD/ounce tương ứng với 0,54% xuống 1.796,6 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,129 điểm tương ứng 0,14% xuống 96,418 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1259 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3386 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,77 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,97 USD/thùng tương ứng với 1,26% xuống 75,78 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/11, Dow Jones tăng 17,27 điểm tương đương 0,05% lên 35.619,25 điểm. Nasdaq giảm 202,68 điểm tương đương 1,26% xuống 15.854,76 điểm. Nasdaq Composite giảm 15,02 điểm tương đương 0,32% xuống 4.682,94 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



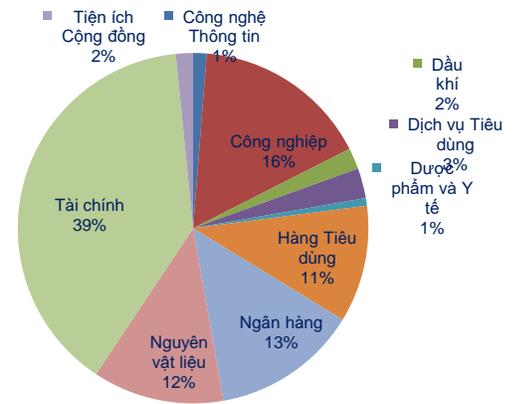
KLGD và HNX-Index trong phiên



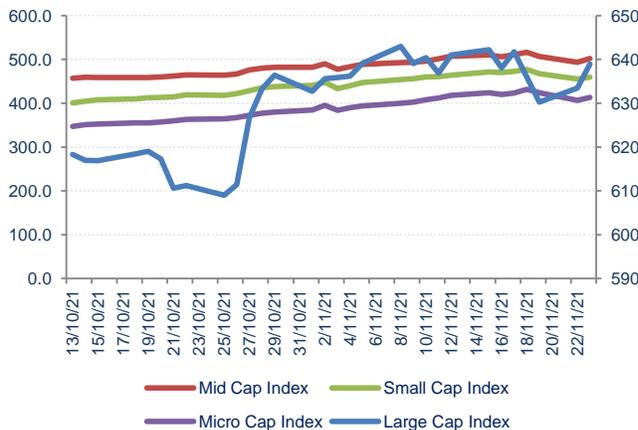
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



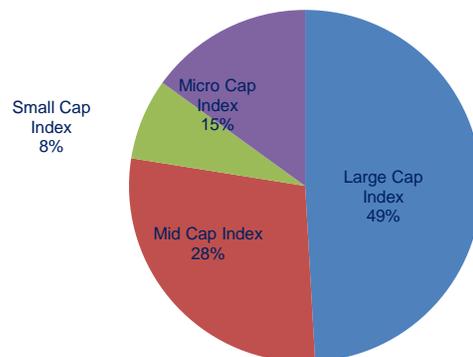
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUESSVFL	2,514,000	SSI	3,849,800
2	VRE	1,539,100	VPB	2,860,000
3	TCH	1,295,600	HCM	1,560,700
4	VHM	929,600	FLC	1,152,800
5	HAG	808,400	PVD	997,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PCG	108,400	CEO	259,720
2	SHS	57,582	KLF	102,400
3	PGS	16,200	VHL	31,300
4	MCF	14,200	API	20,900
5	PVS	13,795	HUT	14,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	48.60	52.00	↑ 7.00%	37,416,800
HAG	7.45	7.15	↓ -4.03%	35,835,000
ITA	11.75	11.20	↓ -4.68%	30,421,100
HQC	6.42	6.10	↓ -4.98%	26,555,300
FLC	15.50	14.70	↓ -5.16%	24,951,600

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HUT	14.10	14.80	↑ 4.96%	14,107,705
SHS	49.40	52.00	↑ 5.26%	12,209,945
ART	14.40	15.30	↑ 6.25%	7,304,641
PVS	25.00	25.80	↑ 3.20%	7,281,560
KLF	5.90	6.00	↑ 1.69%	6,558,139

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	100.00	107.00	7.00	↑ 7.00%
VOS	19.30	20.65	1.35	↑ 6.99%
SSI	48.60	52.00	3.40	↑ 7.00%
NTL	35.75	38.25	2.50	↑ 6.99%
MCG	8.59	9.19	0.60	↑ 6.98%

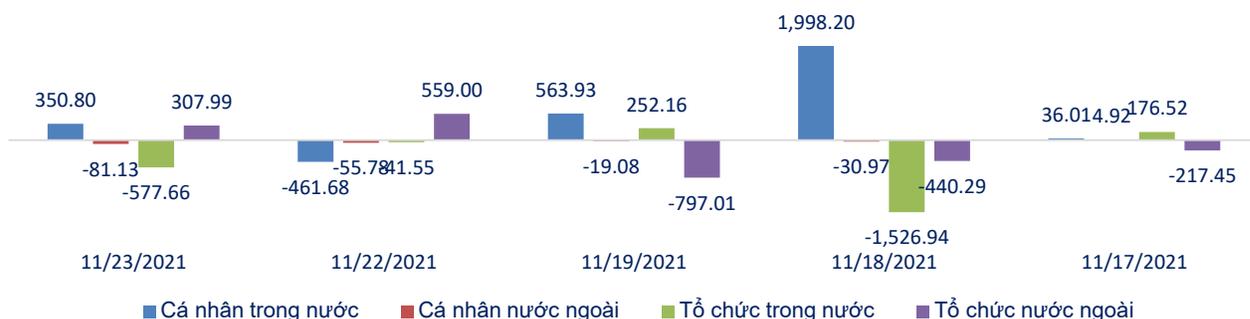
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TKU	35.00	38.50	3.50	↑ 10.00%
VLA	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
VNT	70.00	77.00	7.00	↑ 10.00%
LDP	14.00	15.40	1.40	↑ 10.00%
PSW	24.30	26.70	2.40	↑ 9.88%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DLG	7.44	6.92	-0.52	↓ -6.99%
PIT	9.91	9.22	-0.69	↓ -6.96%
NAV	33.00	30.70	-2.30	↓ -6.97%
PXI	6.61	6.15	-0.46	↓ -6.96%
GEX	47.45	44.15	-3.30	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L61	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
CCR	40.10	36.10	-4.00	↓ -9.98%
L35	7.10	6.40	-0.70	↓ -9.86%
VTJ	7.10	6.40	-0.70	↓ -9.86%
DTC	14.40	13.00	-1.40	↓ -9.72%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	266.59	16.5%	2,059	25.3	3.0
VPB	80.73	21.2%	2,772	13.1	2.6
DGC	72.06	29.1%	7,717	21.6	5.6
HCM	71.91	19.2%	2,735	17.0	3.0
MWG	64.75	24.6%	6,071	23.6	5.4

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	-105.55	13.4%	1,893	24.0	3.0
VCG	-71.21	6.8%	1,224	37.8	2.7
VHM	-66.40	38.3%	8,968	9.2	3.0
VRE	-49.22	7.2%	954	31.6	2.2
CTG	-40.33	18.1%	3,439	9.9	1.7

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	5.78	34.3%	4,905	16.5	3.7
VHM	2.98	38.3%	8,968	9.2	3.0
FLC	2.34	13.1%	1,967	7.5	1.1
KDH	1.53	13.4%	1,893	24.0	3.0
TVB	1.49	27.6%	2,723	10.8	2.5

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-73.76	19.2%	2,735	17.0	3.0
SSI	-5.24	16.5%	2,059	25.3	3.0
MCG	-3.20	-8.9%	(409)	-	2.1
MSN	-3.04	8.4%	2,032	77.0	5.7
VIC	-1.80	2.9%	1,111	85.4	2.2

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	97.06	13.4%	1,893	24.0	3.0
VCG	65.75	6.8%	1,224	37.8	2.7
GEX	30.86	8.6%	1,978	22.3	1.8
VNM	24.96	31.0%	5,037	17.1	5.3
VPB	23.36	21.2%	2,772	13.1	2.6

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-85.92	29.1%	7,717	21.6	5.6
SSI	-74.29	16.5%	2,059	25.3	3.0
MWG	-64.75	24.6%	6,071	23.6	5.4
PLX	-63.82	12.0%	2,555	22.3	2.6
FUESSVFL	-53.38	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	75.45	8.4%	2,032	77.0	5.7
VHM	72.84	38.3%	8,968	9.2	3.0
FUESSVFL	54.58	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	45.86	7.2%	954	31.6	2.2
VCB	31.23	20.4%	5,696	17.4	3.4

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-187.06	16.5%	2,059	25.3	3.0
VPB	-104.10	21.2%	2,772	13.1	2.6
VNM	-73.37	31.0%	5,037	17.1	5.3
NKG	-27.89	46.6%	9,140	4.7	1.8
PVD	-27.53	0.2%	69	402.7	0.8



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	37,416,800	16.5%	2,059	25.3	3.0
HAG	35,835,000	3250.0%	(1,220)	-	1.3
ITA	30,421,100	1.5%	174	64.5	1.0
HQC	26,555,300	0.1%	9	690.1	0.7
FLC	24,951,600	13.1%	1,967	7.5	1.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	14,107,705	-9.9%	(1,066)	-	1.4
SHS	12,209,945	25.5%	3,233	16.1	2.5
ART	7,304,641	0.3%	32	484.0	1.3
PVS	7,281,560	4.6%	1,238	20.8	0.9
KLF	6,558,139	0.1%	6	987.3	0.6

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 7.0%	26.0%	9,317	11.5	2.9
VOS	↑ 7.0%	54.5%	2,573	8.0	3.2
SSI	↑ 7.0%	16.5%	2,059	25.3	3.0
NTL	↑ 7.0%	24.8%	4,877	7.8	2.0
MCG	↑ 7.0%	-8.9%	(409)	-	2.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TKU	↑ 10.0%	20.9%	3,495	11.0	2.1
VLA	↑ 10.0%	-12.9%	(1,593)	-	2.8
VNT	↑ 10.0%	-16.6%	(2,477)	-	5.4
LDP	↑ 10.0%	-19.8%	(1,676)	-	2.0
PSW	↑ 9.9%	21.5%	2,611	10.2	2.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UESSVF	2,514,000	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	1,539,100	7.2%	954	31.6	2.2
TCH	1,295,600	5.6%	1,252	18.8	1.2
VHM	929,600	38.3%	8,968	9.2	3.0
HAG	808,400	-18.4%	(1,220)	-	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PCG	108,400	3.1%	273	43.3	1.3
SHS	57,582	25.5%	3,233	16.1	2.5
PGS	16,200	10.0%	1,972	13.4	1.3
MCF	14,200	7.0%	776	14.8	1.0
PVS	13,795	4.6%	1,238	20.8	0.9

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	367,550	20.4%	5,696	17.4	3.4
VIC	360,734	2.9%	1,111	85.4	2.2
VHM	359,235	38.3%	8,968	9.2	3.0
HPG	221,633	44.7%	7,085	7.0	2.6
GAS	200,199	16.9%	4,384	23.9	4.0

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,320	25.2%	4,694	50.1	14.2
IDC	26,190	11.8%	1,805	48.4	5.6
KSF	21,480	8.8%	768	93.2	3.6
VCS	19,456	41.5%	11,163	10.9	4.1
BAB	18,452	8.6%	979	25.0	2.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.90	2.1%	292	70.3	1.5
FTS	2.66	22.7%	3,582	20.3	4.2
HAI	2.46	0.7%	87	75.5	0.6
DAH	2.45	0.1%	11	968.5	1.1
DIG	2.39	13.1%	1,528	39.9	4.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	2.88	13.6%	1,987	111.7	13.5
PVL	2.84	9.9%	475	33.7	3.1
APS	2.81	22.8%	1,772	30.4	4.8
BTS	2.80	-0.4%	(42)	-	1.1
PSI	2.44	2.9%	300	68.3	1.9



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---